

NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG NGÀNH VIỆT NAM HỌC

THE QUALITY IMPROVEMENT PROCESS IN VIETNAMESE STUDIES

Nguyễn Văn Lịch*

Đông phương học đã ra đời từ thế kỷ XIX ở châu Âu. Việt Nam học ra đời muộn hơn so với các ngành Ai Cập học, Ả Rập học, Ấn Độ học, Trung Quốc học. Từ những năm 1990 ở các nước châu Âu giới nghiên cứu Việt Nam tổ chức những Hội nghị khoa học *Euro - Việt*. Năm 1998, Việt Nam tổ chức Hội nghị quốc tế *Việt Nam học*. Năm 2000, Việt Nam tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế *Việt Nam trong thế kỷ XX*. Sau đó, Việt Nam tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế *Việt Nam học lần thứ 2* năm 2004, *lần 3* năm 2008, *lần 4* năm 2012, *lần 5* năm 2016. Sự quan tâm khá đặc biệt của thế giới đến Việt Nam, của các nhà Việt Nam học quốc tế có tác động làm ngành Việt Nam học ở Việt Nam phát triển.

1. Sơ lược về Việt Nam học

Việt Nam học (Vietnamology/Vietnamologic) hay Nghiên cứu Việt Nam (Vietnamese studies/Etudes Vietnamienes) là khoa học liên ngành nghiên cứu về đất nước, con người Việt Nam dựa trên những yếu tố của từng chuyên ngành như Địa lý, Lịch sử, Ngôn ngữ, Văn hóa, Phong tục tập quán, Lối sống, Kinh tế, Xã hội, Môi trường sinh thái - hay theo tính liên ngành của khu vực học. Mục đích của sự nghiên cứu trên nhằm đem lại những hiểu biết toàn diện với những yếu tố đặc thù, độc đáo về đất nước và con người Việt Nam, để phục vụ cho việc xây dựng tổ quốc Việt Nam ngày càng phồn vinh, đồng thời, tăng cường khả năng giao lưu và hội nhập quốc tế trong xu hướng toàn cầu hóa.

Nghiên cứu Việt Nam đã có từ hàng trăm năm trước ở Việt Nam và phương Tây. Nhưng Việt Nam học - với tính cách như một ngành khoa học - ra đời từ cuối thế kỷ XIX với những công trình nghiên cứu về Việt Nam ở các nước phương Tây trong trào lưu nghiên cứu phương Đông cùng với quá trình bành trướng của chủ nghĩa thực dân sang các nước Á - Phi (phương Đông).

Sự giao lưu tiếp xúc giữa phương Đông và phương Tây thực ra đã có từ xa xưa trong lịch sử hàng ngàn năm. Nhưng với tư cách một ngành khoa học như Đông Phương học (Orientalism), Ai Cập học (Egyptology), Indology (Ấn Độ học), Sinology (Trung Quốc học) thì phải đến đầu thế kỷ XIX các ngành khoa học này mới phát triển mạnh mẽ với nhiều nhà khoa học tên tuổi lớn có nhiều đóng góp quan trọng vào nên khoa học thế giới nói chung cung cấp cho chúng ta những hiểu biết sâu rộng về ngôn ngữ, văn học, địa lý, lịch sử, tôn giáo, phong tục tập quán,... những hợp phần của văn hóa phương Đông.

Đến thế kỷ XX Việt Nam học mới có điều kiện phát triển. Đóng góp lớn nhất là các nhà nghiên cứu người Pháp. Điều này cũng dễ hiểu vì nước Pháp xâm lược Việt Nam từ năm 1857, đến 1884 đặt ách đô hộ thực dân lên cả nước Việt Nam.

* Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Thăng Long.

Trong thế kỷ XX Việt Nam đã đấu tranh giành độc lập, tiến hành Cách mạng Tháng Tám 1945, rồi kháng chiến chống Pháp (1945-1954), kháng chiến chống Mỹ, thống nhất đất nước (1954-1975). Từ 1975 đến 1990 - giai đoạn cuối cuộc chiến tranh lạnh tình hình quốc tế, khu vực và trong nước Việt Nam có nhiều diễn biến phức tạp. Cuối năm 1986, tại Đại hội VI, Đảng Cộng sản Việt Nam ban hành chính sách đổi mới. Từ năm 1993 giới Việt Nam học châu Âu tổ chức các Hội nghị quốc tế *Euro - Việt*.

Năm 1998, Hội nghị quốc tế *Việt Nam học* lần đầu tiên được tổ chức, có đến 1000 đại biểu trong và ngoài nước tham dự, trong đó có gần 300 đại biểu nước ngoài đến từ 26 nước.

Năm 2000 tổ chức Hội nghị khoa học quốc tế *Việt Nam trong thế kỷ XX* tại Hội trường Ba Đình, Hà Nội có hàng trăm nhà khoa học trong và ngoài nước tham dự.

Từ năm 2004 đến 2016 các Hội nghị quốc tế *Việt Nam học* lần lượt được tổ chức định kỳ bốn năm một lần vào các năm 2004, 2008, 2012, 2016.

Sự quan tâm của giới khoa học quốc tế làm cho Việt Nam học ở Việt Nam phát triển mạnh trong vài thập niên gần đây. Năm 1998, Trung tâm Phối hợp Nghiên cứu Việt Nam được thành lập ở trường Đại học Tổng hợp Hà Nội, do Hiệu trưởng Đại học Tổng hợp quyết định và cử GS Phan Huy Lê làm giám đốc. Năm 1989, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Trung tâm Hợp tác Nghiên cứu Việt Nam. Năm 1990, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quyết định thành lập Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á ở Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Thực trạng của ngành Việt Nam học

Về đào tạo, Trường Đại học Tổng hợp Hà Nội là nơi được giao nhiệm vụ đào tạo tiếng Việt (và văn hóa Việt Nam) cho sinh viên nước ngoài sớm nhất từ 1967-1968, từ đầu những năm 1980 là Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh, đến 1990 là Trung tâm Nghiên cứu Việt Nam - Đông Nam Á Trường Đại học Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh. Năm 1995, Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng thành lập Khoa Việt Nam học, đào tạo sinh viên trong nước. Năm 1998, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh quyết định thành lập Khoa Việt Nam học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, có đào tạo sinh viên nước ngoài.

Năm 2002 Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành danh mục các ngành đào tạo, trong đó có ngành Việt Nam học. Đây là thời điểm đánh dấu sự nở rộ của các khoa Việt Nam học ở các trường đại học kể cả công lập và ngoài công lập. Đến năm 2008, cả nước có 76 Khoa Việt Nam học đào tạo hàng ngàn sinh viên. Từ năm 2016 đến năm 2018, có gần 100 trường đào tạo Việt Nam học. Thực trạng là từ sau năm 2000 ngành du lịch ở Việt Nam phát triển nóng, cần nhiều nhân lực. Nhưng cung không đủ cầu. Nhân lực được đào tạo ngành du lịch có bất cập từ nhiều phía. Bộ Giáo dục và Đào tạo chậm mở mã ngành du lịch hoặc cấp phép đào tạo ngành này nhiều khó khăn. Các trường muốn mở ngành du lịch không hoặc chậm được cấp phép đã dùng cách mở ngành Việt Nam học để đào tạo hướng dẫn du lịch, quản trị du lịch - lữ hành. Về phía người học, nhiều học sinh chưa hiểu biết về ngành này nên

không muốn học, hoặc đã vào học lại xin chuyển ngành, không thích học các ngành quản trị nhà hàng khách sạn, phục vụ bàn, bar, buồng, bếp,...

Vì vậy, các khoa Việt Nam học ở các trường đại học chỉ có hai khoa Việt Nam học ở Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh và sau thêm ở Trường Đại học Hà Nội đào tạo sinh viên nước ngoài bậc cử nhân, từ năm học 2009-2010 đào tạo bậc thạc sĩ Việt Nam học, hầu hết các trường đều đào tạo sinh viên Việt Nam.

Năm 2008, trong Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần III tại Trung tâm Hội nghị Quốc gia Mỹ Đình có tiểu ban về đào tạo Việt Nam học. Mặc dù Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành khung chương trình đào tạo ngành Việt Nam học các trường đều phải dựa vào khung chương trình này, nhưng tùy vào điều kiện thực tế cho phép mà vận dụng một cách khá linh hoạt, không hoàn toàn giống nhau, thậm chí khác nhau khá nhiều.

Vì vậy, năm 2009 Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn, ĐHQG-HCM đăng cai tổ chức cuộc Hội thảo Quốc gia gồm đại biểu từ hơn 50 trường đại học trên cả nước để thống nhất chương trình đào tạo Việt Nam học. Kết luận của Hội thảo là kiến nghị với Bộ Giáo dục và Đào tạo về khung chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, gồm một chương trình cho sinh viên Việt Nam và một chương trình cho sinh viên nước ngoài. Về cơ bản, chương trình này kế thừa chương trình khung do Ban soạn thảo chương trình Việt Nam học do Bộ thành lập. GS Phan Huy Lê là chủ tịch đã ban hành từ đầu những năm 2000.

Từ sau Hội thảo này đến nay, đã gần 10 năm, nhưng chưa một hội thảo nào như thế được tổ chức lần nữa. Từ năm 2005 đến 2018, Khoa Việt Nam học của hai Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn Đại học Quốc gia Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh thường xuyên đều đặn liên kết tổ chức hội thảo khoa học về nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học và đều xuất bản kỷ yếu khoa học do NXB Đại học Quốc gia Hà Nội và NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh ấn hành. Có một số trường đại học trong nước và nước ngoài cũng tham gia hội thảo thường niên này. Hội thảo đề cập những vấn đề lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học ở hai trường đại học hàng đầu của cả nước. Hai khoa này từ năm học 2010 đến nay đã đào tạo bậc thạc sĩ Việt Nam học, đối tượng học viên gồm cả học viên Việt Nam và nước ngoài. Ở Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội là nơi nghiên cứu Việt Nam và đào tạo thạc sĩ và hiện nay là nơi duy nhất đào tạo tiến sĩ Việt Nam học.

Nhìn lại thực trạng phát triển của ngành Việt Nam học hai mươi năm qua, chúng ta thấy sự phát triển mạnh mẽ về cả số lượng và chất lượng. Xã hội biết và thừa nhận ngành Việt Nam học. Song, đánh giá một cách nghiêm túc thì sự phát triển này còn nặng về số lượng, với gần 100 trường đào tạo Việt Nam học, hàng nghìn sinh viên đã và đang học, đáp ứng một phần nhu cầu phát triển kinh tế xã hội, góp phần vào sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế của Việt Nam. Nhưng về mặt chất lượng còn nhiều bất cập.

Sự tiếp thu và hiểu biết về phương pháp tiếp cận liên ngành khu vực học ở Việt Nam còn nhiều mới mẻ và hạn chế.

Đặc biệt cuối thế kỷ XX - đầu thế kỷ XXI, khu vực học đang phát triển lên tầm cao mới, chuyển từ khu vực học cổ điển sang khu vực học hiện đại. Nếu như trước đây, khu vực học đặt mục tiêu là đưa lại nhận thức tổng quát về một không gian lịch sử - văn hóa nào đó thì khu vực học hiện đại hướng đến mục tiêu hàng đầu là ứng dụng những nhận thức tổng quát đó vào việc giải quyết hàng loạt các vấn đề có độ phức hợp cao đang đặt ra trong thực tiễn phát triển bền vững của các khu vực. Khu vực giờ đây không còn chỉ là không gian lịch sử - văn hóa mà còn là một không gian phát triển. Vì vậy, khu vực học phải hướng đến đích cuối cùng là đánh giá nguồn học, tiềm năng, cơ hội phát triển của không gian phát triển nào đó. Trên cơ sở đó, các nghiên cứu phải có giá trị tư vấn phân biện chính sách và cuối cùng là trực tiếp có những đóng góp vào chiến lược phát triển của khu vực, tức là cung cấp đầu vào cho quá trình chính sách. Đòi hỏi này vừa là một thách thức lớn nhưng cũng là một cơ hội mới đối với khu vực học, bởi nó mở đường cho khu vực học trở thành một khoa học cơ bản, liên ngành, định hướng ứng dụng.

3. Nguyên nhân

3.1. Những nguyên nhân làm cho ngành Việt Nam học phát triển nhanh chóng trong thập niên đầu thế kỉ XXI ở Việt Nam trước hết là do nhu cầu phát triển của kinh tế, xã hội Việt Nam trong thời kỳ mới của công cuộc đổi mới của đất nước, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, hội nhập quốc tế; ngành du lịch phát triển, hàng trăm số người nước ngoài đến Việt Nam và chiều ngược lại người Việt Nam du lịch nước ngoài tăng lên nhanh chóng đến hơn chục triệu người đòi hỏi nguồn nhân lực được đào tạo, có hiểu biết về đất nước, con người, văn hóa Việt Nam.

Trong xu thế phát triển chung đó, ngành giáo dục đại học Việt Nam cũng phát triển nhanh chóng cả về số trường từ khoảng hơn 70 trường đại học, cao đẳng vào thập niên 1990, hầu hết là trường công lập, năm 1988 mới có Trung tâm Đại học dân lập Thăng Long, năm 1995 đổi thành Trường Đại học dân lập Thăng Long, từ 1995 đến 2000 ra đời một loạt trường đại học dân lập như Đông Đô, Phương Đông, Quản lý và Kinh doanh Công nghệ ở Hà Nội, Trường Đại học dân lập Hùng Vương, Văn Lang, Ngoại ngữ và Tin học (HUFLIT), Hoa Sen, Hồng Bàng ở Thành phố Hồ Chí Minh, Trường Đại học dân lập Hải Phòng. Từ 2001 đến 2013 là thời kỳ phát triển bùng nổ, riêng từ năm 2005 đến 2009 số trường đại học tư thục tăng từ 35 lên 77 trường (220%), đưa số trường đại học lên đến gần 400 trường, trong đó khoảng 100 trường mở ngành Việt Nam học.

3.2. Trong sự phát triển nóng của ngành Việt Nam học đã bộc lộ ngay những khó khăn, bất cập. Năm 2008 tại tiểu ban nghiên cứu và giảng dạy Việt Nam học ở Hội thảo quốc tế Việt Nam học lần III có chủ nhiệm khoa của một số trường đại học còn bày tỏ tâm sự rất thật là được hiệu trưởng ký quyết định bổ nhiệm làm chủ nhiệm khoa Việt Nam học nhưng không biết phải làm thế nào, phải dựa vào khung chương trình của Bộ Giáo dục và Đào tạo nhưng thực học của trường còn yếu và thiếu, chưa đáp ứng kịp nhu cầu. Đó cũng là tình trạng chung của nhiều khoa Việt Nam học. Sinh viên được tuyển vào học ngành này cũng không biết phải học gì, ra trường làm gì. Tuy xác định đầu ra cho ngành Việt Nam học khá rộng là

có thể làm việc ở các cơ quan văn hóa, xã hội, truyền thông, báo chí, hướng dẫn du lịch, các tổ chức, công ty nước ngoài ở Việt Nam,... nhưng còn tùy thuộc vào chất lượng đào tạo của từng trường, ngoài kiến thức chuyên môn nghiệp vụ sinh viên phải giỏi ngoại ngữ, công nghệ thông tin, có khả năng làm việc nhóm, có đạo đức và kỹ năng ứng xử tốt (kỹ năng mềm). Cũng trong thời gian này, các trường đại học đều chuyển từ học chế đào tạo niên chế sang tín chỉ, chương trình đào tạo tinh giản, tích hợp, giảm từ 210 tín chỉ xuống còn 120-140 tín chỉ. Điều này cũng tạo áp lực lớn cho quản lý đào tạo, người dạy và người học.

Ở tầm quản lý vĩ mô, trong quá trình phát triển bùng nổ của ngành đại học, Bộ Giáo dục và Đào tạo không thể quản lý chặt chẽ, rốt ráo được tới các trường, các khoa, các chương trình đào tạo. Hiện tượng “trăm hoa đua nở” cũng là lẽ đương nhiên.

4. Vài suy nghĩ về giải pháp nâng cao chất lượng nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học

4.1. Cần nâng cao nhận thức chung về Việt Nam học là một ngành còn khá mới mẻ với nhiều người Việt Nam. Đó tưởng như một nghịch lý nhưng lại rất cần thiết. Nhiều người cho rằng, các nước muốn tìm hiểu Việt Nam mới cần học Việt Nam học. Còn đã là người Việt Nam không cần học ai cũng có tiềm năng trở thành nhà Việt Nam học. Tất cả các nhà nghiên cứu địa lý, lịch sử, kinh tế, văn hóa, xã hội, phong tục tập quán, môi trường Việt Nam đều là “nhà Việt Nam học”. Vâng, họ là những nhà nghiên cứu đơn ngành về Việt Nam nhưng muốn trở thành nhà Việt Nam học phải tiếp cận cách nghiên cứu liên ngành (inter-disciplinary) của khu vực học (area studies), phải đặt đối tượng nghiên cứu của mình trong một không gian lịch sử văn hóa và không gian phát triển bền vững như trên đã đề cập. Rộng lớn hơn, phải đặt Việt Nam trong bối cảnh khu vực Đông Nam Á, Châu Á - Thái Bình Dương và thế giới.

Hơn ai hết, những người đang nghiên cứu và giảng dạy trong cơ quan nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học phải được đào tạo và phải thấm nhuần những vấn đề lý thuyết và vận dụng vào thực tiễn nghiên cứu và giảng dạy của mình. Thế giới và đất nước đang trong thời kỳ phát triển Cách mạng công nghệ 4.0, không ai có thể bình chân như vại làm việc theo kiểu cách cũ.

4.2. Về quản lý vĩ mô, Bộ Giáo dục và Đào tạo phải tăng cường quản lý, giám sát việc thực hiện chương trình đào tạo Việt Nam học từ đầu những năm 2000. Đến nay, có khoảng 100 trường đào tạo ngành Việt Nam học. Năm 2009 đã tổ chức Hội thảo Quốc gia tại Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn, ĐHQG-HCM để thống nhất chương trình đào tạo ngành Việt Nam học, có hai hướng dành cho người Việt Nam và cho sinh viên nước ngoài. Từ đó đến nay, đã gần 10 năm, chỉ có Bộ Giáo dục và Đào tạo mới đủ thẩm quyền yêu cầu các trường có đào tạo Việt Nam học báo cáo với Bộ về việc đào tạo, nghiên cứu Việt Nam học. Từ đó, Bộ sẽ giao cho đơn vị nào chủ trì Hội thảo Quốc tế để tổng kết, trao đổi kinh nghiệm về nghiên cứu giảng dạy Việt Nam học. Đại học Quốc gia Hà Nội và Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh là hai nơi đầu tàu về nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học hoàn toàn có thể làm tốt nhiệm vụ này. Những kết luận của Hội thảo sẽ giúp Bộ Giáo dục và Đào tạo

quản lý tốt hơn ngành Việt Nam học. Có hàng trăm hàng ngàn chương trình đào tạo các bậc đại học, trên đại học, nhưng với vị trí đặc thù của Việt Nam học việc này là cần thiết.

4.3. Về phía các trường đại học, các khoa Việt Nam học

Như trên đã nói, do sự phát triển nóng của ngành Việt Nam học nên hầu hết cán bộ nghiên cứu, giảng dạy Việt Nam học đều là những người tốt nghiệp các ngành Ngữ văn, Lịch sử, Địa lý, Kinh tế,... được đào tạo chuyên ngành đơn ngành chuyên sâu về một lĩnh vực. Vì vậy, cần trang bị kiến thức mới cả lý thuyết cũng phải triển khai nghiên cứu, soạn thảo giáo trình, bài giảng theo hướng tiếp cận liên ngành của khu vực học, đặt đối tượng nghiên cứu, giảng dạy trong bối cảnh không gian lịch sử văn hóa và không gian phát triển bền vững của Việt Nam và khu vực như Đông Nam Á, Đông Á, Nam Á,...

Về phía sinh viên Việt Nam học. Từ phổ thông lên đại học không phải là sự chuyển cấp mà phải tiếp cận cách học hoàn toàn mới, từ học chế đào tạo tín chỉ đến phương pháp học mới ở đại học. Sinh viên phải chủ động, tích cực làm chủ quá trình học tập để trau dồi kiến thức, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng mềm, chăm chỉ, sáng tạo,... Dường như sinh viên Việt Nam sau 12 năm học phổ thông với bao áp lực, nên khi vào đại học thì là thư thả tà tà vì sau bốn năm có đến 90% cũng được tám bằng đại học, có thể đi làm tự kiếm sống. Nhưng con số 230.000 cử nhân tốt nghiệp mà vẫn chưa tìm được việc làm là lời cảnh báo cho những sinh viên còn đang ngồi trên ghế nhà trường. Phải học như thế nào để tích lũy kiến thức và hành trang cần thiết để bước vào cuộc sống trong thời đại Cách mạng công nghiệp 4.0? Do đó, sinh viên, nhất là sinh viên ngành Việt Nam học phải học nhiều kiến thức chuyên sâu nghiệp vụ, các kỹ năng cần thiết, ngoại ngữ, công nghệ thông tin, có như vậy, sinh viên ngành Việt Nam học ra trường mới có thể làm việc ở nhiều lĩnh vực khác nhau, từ văn hóa, truyền thông báo chí, đến du lịch hay doanh nghiệp, công ty trong và ngoài nước.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Nhiều tác giả (2008), Kỷ yếu Hội thảo khoa học quốc tế Việt Nam học lần III *Việt Nam: Hội nhập và phát triển*, NXB ĐHQG-HN.
2. Trường Đại học Khoa học Xã hội - Nhân văn, ĐHQG-HCM (2009), Kỷ yếu Hội thảo quốc gia về chương trình đào tạo Việt Nam học.
3. Nguyễn Thị Phương Anh (2018), “Nghiên cứu Khu vực học ở Việt Nam trong xu thế phát triển bền vững”, Trong *Giảng dạy nghiên cứu Việt Nam học và tiếng Việt 2018*, NXB Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.
4. Trần Lê Bảo (2011), *Khu vực học và Nhập môn Việt Nam học*, NXB Giáo Dục.
5. Thông tư ban hành Danh mục giáo dục đào tạo cấp IV trình độ đại học của Bộ Giáo dục Đào tạo ngày 10/10/2017 (Trong danh mục này có ngành Việt Nam học, Tiếng Việt và Văn hóa Việt Nam).